

Án số: 46/2018/HS-ST
Ngày 06-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN N DÂN HUYỆN THÁI THỤY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Toàn Nghĩa.

Các Hội thẩm N dân: Ông Bùi Văn Sơn và bà Lê Thị Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành - Thư ký Toà án ND huyện Thái Thụy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Xuân Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2018, đối với

*** *Bị cáo:*** Họ và tên **VŨ ĐỨC N**, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Đức Q và bà Đặng Thị L; Có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không;

N thân: Từ tháng 9/2015 đến ngày 16/01/2017 tham gia nghĩa vụ Q sự tại Bộ tham mưu Q chủng Hải Q.

Bị bắt tạm giam từ ngày 21/11/2017. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

*** *Bị hại:*** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985;

Trú tại xã C, huyện K, tỉnh Thái Bình. (*Có mặt*)

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1975; Trú tại khu X, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. (*vắng mặt*)

*** *Người làm chứng:***

Ông Vũ Đức Q, sinh năm 1972, bà Đặng Thị L, sinh năm 1975; Cùng trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. (*có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết nhau từ trước trên mạng xã hội Zalo nên khoảng 13 giờ ngày 19/11/2017, Vũ Đức N gọi điện thoại cho chị Nguyễn Thị T rủ chị T đi chơi và hẹn

gặp nhau ở cổng bệnh viện đa khoa thuộc thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương. N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B6 - 25003 sang đón và chở chị T tới khu vực Cồn Đen, xã Thái Đô, huyện Thái Thụy chơi. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày cả hai ra về. Khi N mở cốp xe lấy mũ bảo hiểm thì phát hiện 1 con dao loại dao gọt hoa quả để sẵn trong cốp xe. N bỏ dao vào túi áo rồi chở chị T theo đường nhà máy Nhiệt điện về hướng cầu Trà Lý. Khi đến đoạn đường vắng thuộc địa phận thôn Tân Minh, xã Mỹ Lộc, N lấy lý do muốn đi vệ sinh để chở chị T vào khu vực rừng thông, nơi ô tô tránh bão không có nhà dân. Trong lúc chị T không để ý, N xuống xe, tay phải lấy dao dí vào cổ chị T, tay trái quàng vào cổ chị T ghì chặt, nói “*Em đang cần tiền, chị đưa hết vàng, tháo đồ trên người ra đây*”. Chị T hoảng sợ nói “*Làm cái gì vậy?*”. N dọa “*Câm ngay không tao giết*”. Chị T sợ, một tay túm lấy tay N, một tay cầm đầu lưỡi dao, bẻ gãy dao, sau đó kêu “*Cướp, cướp, cứu tôi với*”. N dùng tay phải bịt mồm chị T. Chị T cắn vào tay N rồi vùng bỏ chạy. Được khoảng 3m thì N túm được áo chị T kéo lại, dùng bắp tay chặn miệng chị T kéo mạnh làm cả hai ngã xuống đất, tay trái N ôm ghì mạng sườn chị T, tay phải quàng cổ chị T làm đứt sợi dây chuyền đeo trên cổ rơi xuống đất. Chị T dùng lưỡi dao đâm vào vai, cánh tay N nhưng không gây ra thương tích, chị T vờ đất, cò bơi vào mặt N, dùng dao đâm liên tiếp vào đùi N làm chảy máu. N dùng tay trái bịt miệng chị T. Chị T cắn vào tay trái N rồi vùng bỏ chạy kêu cứu. N đuổi kịp, túm được áo, vật chị T ngã ngửa xuống đất, N ngồi lên bụng, dùng tay đâm vào đầu, tát vào mặt chị T và quát “*Câm ngay không tao giết mày bây giờ*”. Sau đó bắt chị T tháo hết nhẫn, hoa tai trên người. Chị T tháo 1 hoa tai bên phải, 1 nhẫn ở ngón giữa tay trái đưa cho N. N tháo 1 hoa tai bên trái và 1 nhẫn áp út ở tay trái chị T rồi cho vào túi áo bò của N. N yêu cầu chị T đưa điện thoại kiểm tra để xóa các thông tin liên quan đến N, sau đó lấy số tiền 93.000 đồng trong túi xách của chị T. N trả lại chị T chiếc điện thoại và túi xách, nhặt sợi dây chuyền dưới đất bỏ vào túi áo rồi lên xe đi về. Khoảng 14 giờ ngày 20/11/2017, N mang toàn bộ số tài sản đã chiếm đoạt của chị T đến cửa hàng vàng bạc M bán cho chị Nguyễn Thị B được 4.550.000 đồng. N tiêu xài còn lại 4.173.000 đồng đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy.

Kết luận định giá tài sản số 03/KL - ĐG ngày 05/01/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: 2 chiếc bông tai bằng kim loại màu vàng, trọng lượng 0,97 chỉ, tuổi vàng 43,38%, giá trị 1.484.000 đồng. 1 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, dài 48,5cm, trọng lượng 1,06 chỉ, tuổi vàng 42,1%, giá trị 1.579.000 đồng. 1 chiếc nhẫn kim loại màu vàng trọng lượng 0,57 chỉ, tuổi vàng 45,86%, giá trị 923.000 đồng. 1 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, trọng lượng 0,85 chỉ và tuổi vàng 44,57%, giá trị 1.334.000 đồng. Tổng cộng 5.320.000 đồng.

Quá trình điều tra, N đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy cho ông Vũ Đức Q (bố đẻ N). Chị T bị thương nhẹ, không yêu cầu giám định thương tích. Gia đình đã giúp bị cáo N tới xin lỗi, bồi thường

tổn hại về tinh thần và tiền thuốc cho chị T số tiền 30.000.000 đồng. Chị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản nào khác, yêu cầu được nhận lại các tài sản cơ quan điều tra thu giữ đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Chị Nguyễn Thị B yêu cầu bị cáo trả số tiền 4.550.000 đồng.

Bản cáo trạng số 40/CT-VKSTT ngày 13/4/2018 Viện kiểm sát N dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Vũ Đức N về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Thái Thụy giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 45; Điều 47; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo từ 4 năm đến 5 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Ngoài ra còn đề nghị về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến gì về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng. Khi tranh luận, bị cáo trình bày việc hiểu biết pháp luật còn hạn chế, hành động bột phát nông nổi, mong tòa xem xét.

Nói lời sau cùng, bị cáo rất ân hận và ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của bản thân, xin lỗi người bị hại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo quyết tâm cải tạo tốt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy và Điều tra viên, của Viện kiểm sát N dân huyện Thái Thụy và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi bị cáo đã thực hiện chiều ngày 19/11/2017, dùng dao đe dọa lấy tài sản của chị T. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường; Đơn trình báo, lời khai của người bị hại chị Nguyễn Thị T; Kết luận định giá tài sản số 03/KL - ĐG ngày 05/01/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thái Thụy; Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị B; Người làm chứng: Ông Vũ Đức Q và bà Đặng Thị L; Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân. Bị cáo nhận thức được việc dùng dao đe dọa, làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền nhân thân và quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội, gây dư luận xấu và tâm lý lo lắng trong nhân dân.

[5] Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999. Việc đưa bị cáo ra xét xử và áp dụng mức hình phạt tương xứng là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, để phát huy tác dụng đấu tranh và phòng ngừa tội phạm chung.

Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.

[6] Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường cho bị hại; bị hại thiết tha xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đã có thời gian phục vụ quân đội, bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhất thời phạm tội nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ do vậy cần áp dụng Điều 47 xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[7] Bị cáo sống phụ thuộc bố mẹ, chưa có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại về tiền thuốc, tổn thất về tinh thần là 30.000.000đồng. Chị T không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản nào khác và đề nghị nhận lại số dây chuyền, nhẫn, hoa tai, cần được chấp nhận. Số tiền 4.550.000 đồng chị Nguyễn Thị B bỏ ra mua vàng, chị không biết số vàng đó do bị cáo chiếm đoạt của người khác nên chị không có lỗi, cần buộc bị cáo trả lại cho chị B.

[10] Về vật chứng: Con dao N dùng để đe dọa chị T, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đặt ra xử lý. Số dây chuyền, nhẫn và 93.000đ cần trả lại cho chị T. Số tiền 4.173.000 đồng bị cáo giao nộp, sau khi đã trừ 93.000đ tiền của chị T, còn lại 4.080.000đ cần trả lại cho chị B. Thẻ căn cước, điện thoại của N không liên quan tới việc phạm tội, cần được trả lại.

[11] Chị T bị thương nhẹ, không yêu cầu giám định thương tích nên không đặt ra xem xét.

[13] Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17B6 - 25003 là xe của ông Vũ Đức Q. Khi N lấy xe đi, ông Q không biết nên không có lỗi. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Q là đúng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 47; Điều 33; Khoản 2 điều 41; Khoản 1 điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Đức N phạm tội “*Cướp tài sản*”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Đức N 3 (ba) năm 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/11/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Chấp nhận việc bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong toàn bộ thiệt hại về chi phí tiền thuốc, tổn thất về tinh thần cho chị Nguyễn Thị T số tiền 30.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo phải trả chị Nguyễn Thị B số tiền 4.550.000 đồng. Bị cáo đã nộp 4.080.000đ còn phải nộp 470.000đ (*Bốn trăm bảy mươi ngàn đồng*).

4. Về xử lý vật chứng:

Tuyên trả chị Nguyễn Thị T 1 dây chuyền, 2 chiếc hoa tai, 2 chiếc nhẫn, 93.000đ (*Chín mươi ba ngàn đồng*).

Tuyên trả lại bị cáo 1 điện thoại iPhone, 1 thẻ căn cước.

Các đồ vật tài sản có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy ngày 18/4/2018.

Chuyển các đồ vật, tiền, vàng nói trên sang thi hành án.

5. Về án phí: Bị cáo Vũ Đức N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự và 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 06/6/2018. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Thái Thụy;
- Trại tạm giam Thái Bình;
- Công an Thái Thụy;
- Chi cục THADS Thái Thụy;
- Tòa án tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- Lưu HCTP;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lưu Toàn Nghĩa

**TÒA ÁN ND HUYỆN THÁI THUY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 20' ngày 06/6/2018;

Tại trụ sở tòa án N dân huyện Thái Thụy;

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Toàn Nghĩa.

Các Hội thẩm N dân: Ông Bùi Văn Sơn và bà Lê Thị Hạnh.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên **VŨ ĐỨC N**, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn Các Đông, xã Thái Thượng, Thái Thụy, Thái Bình;

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH

CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1/ Về điều luật áp dụng:

Điểm d khoản 2 điều 133; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46; Điều 45; Điều 47; Điều 33; Khoản 2 điều 41; Khoản 1 điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2/ Về tội danh và hình phạt:

Bị cáo Vũ Đức N phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Vũ Đức N 3 (ba) năm 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/11/2017.

Kết quả biểu quyết 3/3

3/ Về các vấn đề khác:

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- Chấp nhận việc bị cáo đã bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho chị Nguyễn Thị T về chi phí tiền thuốc, tổn thất về tinh thần số tiền 30.000.000 đồng. Chị T không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản nào khác.

- Buộc bị cáo phải trả chị Nguyễn Thị Bích số tiền 4.550.000 đồng. Bị cáo đã nộp 4.080.000đ còn phải nộp 470.000đ (*Bốn trăm bảy mươi ngàn đồng*).

*** Về xử lý vật chứng:**

- Tuyên trả chị Nguyễn Thị T 1 dây chuyền, 2 chiếc bông tai, 2 chiếc nhẫn, 93.000đ (*Chín mươi ba ngàn đồng*).

- Tuyên trả lại bị cáo 1 điện thoại Iphone, 1 thẻ căn cước.

Các đồ vật tài sản có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy ngày 18/4/2018.

Chuyển các đồ vật, tiền, vàng nói trên sang thi hành án.

* *Về án phí*: Bị cáo Vũ Đức N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự và 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

* *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 06/6/2018. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tổng đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ 11 phút 30', ngày 06 tháng 6 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thẩm phán
Lưu Toàn Nghĩa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM N DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Toàn Nghĩa